

ỨNG DỤNG ONENOTE, NOTION VÀ AI TRONG NÂNG CAO KỸ NĂNG GHI CHÚ VÀ TRÍ NHỚ NGẮN HẠN CHO SINH VIÊN NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRONG ĐÀO TẠO DỊCH NÓI

Đỗ Hà Linh¹

Email: dhlinh5@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.996

Tóm tắt: Báo cáo này nghiên cứu tác động của việc tích hợp OneNote, Notion và Trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm cải thiện kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn cho sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc trong đào tạo dịch nói tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Qua nghiên cứu bán thực nghiệm và quan sát - phản tư, báo cáo chỉ ra rằng sinh viên ban đầu gặp khó khăn với ghi nhớ thông tin và ghi chú rời rạc, thiếu hệ thống. Kết quả thử nghiệm cho thấy sự kết hợp của OneNote, Notion và AI (hỗ trợ ghi chép, tóm tắt) đã giúp sinh viên tổ chức thông tin, ghi chú khoa học hơn, tăng cường hợp tác và giảm tải nhận thức, từ đó nâng cao tốc độ phản xạ và độ chính xác trong dịch nói. Nghiên cứu đề xuất một mô hình tích hợp công nghệ hiệu quả và đưa ra các kiến nghị về việc đưa công cụ số/AI vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, khuyến khích sinh viên chủ động sử dụng, và hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật. Đây là giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo dịch nói trong kỷ nguyên số.

Từ khoá: Dịch nói tiếng Trung; ghi chú số; trí nhớ ngắn hạn; OneNote; Notion; trí tuệ nhân tạo (AI); giáo dục ngôn ngữ

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, kỹ năng dịch nói (phiên dịch) đòi hỏi người học không chỉ vững về ngôn ngữ mà còn cần có khả năng xử lý thông tin nhanh, ghi nhớ hiệu quả và ghi chú thông minh. Sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc trong đào tạo dịch nói thường

đối mặt với thách thức lớn trong việc ghi nhớ lượng lớn thông tin và tái tạo chúng một cách chính xác, linh hoạt dưới áp lực thời gian. Các phương pháp ghi chú truyền thống hay việc phụ thuộc hoàn toàn vào trí nhớ tự nhiên chưa thực sự tối ưu. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, đặc biệt là các công cụ quản lý thông tin như OneNote, Notion và trí tuệ nhân tạo (AI),

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

mở ra tiềm năng to lớn trong việc hỗ trợ và cải thiện các kỹ năng cốt lõi này.

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng, đề xuất và thử nghiệm mô hình tích hợp OneNote, Notion và AI để nâng cao kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn cho sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc trong bối cảnh đào tạo dịch nói. Kết quả kỳ vọng mang lại một hướng tiếp cận khả thi, dễ triển khai trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo biên - phiên dịch theo hướng hiện đại và ứng dụng.

II. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Lý thuyết về trí nhớ và kỹ năng ghi chú trong dịch nói

Dịch nói là một hoạt động nhận thức cường độ cao, đòi hỏi người dịch đồng thời nghe, hiểu, ghi nhớ và tái tạo ngôn ngữ. Trong đó, trí nhớ làm việc và kỹ năng ghi chú giữ vai trò then chốt.

Trí nhớ làm việc (Working Memory) giúp lưu giữ và xử lý tạm thời thông tin khi người dịch phân tích ngôn ngữ nguồn và xây dựng ngôn ngữ đích. Theo Gile (1995), khi dung lượng trí nhớ ngắn hạn bị vượt quá, hiệu suất dịch sẽ giảm đáng kể; Liu (2005) cũng nhấn mạnh kỹ thuật phân đoạn thông tin (chunking) giúp tối ưu khả năng ghi nhớ.

Kỹ năng ghi chú là “bộ nhớ ngoài” hỗ trợ người dịch giảm tải nhận thức, tập trung vào ý nghĩa thay vì ngôn ngữ nguyên bản. Việc sử dụng từ khóa, ký hiệu, sơ đồ logic giúp tổ chức thông tin hiệu quả và kích hoạt lại nội dung khi dịch.

Tóm lại, trí nhớ và ghi chú có quan hệ tương hỗ: trí nhớ cung cấp thông tin tức thời cho ghi chú, còn ghi chú giúp duy trì và tái hiện thông tin, mở rộng hiệu suất

của trí nhớ ngắn hạn - yếu tố quyết định thành công trong dịch nói

2.2. Các thách thức về trí nhớ và ghi chú đặc thù đối với sinh viên dịch nói tiếng Trung

- Đặc điểm âm vị và ngữ điệu: Ngôn ngữ Trung Quốc là ngôn ngữ có thanh điệu, việc nhận diện và ghi nhớ chính xác các âm tiết có thanh điệu khác nhau đòi hỏi sự tập trung cao độ, dễ gây nhầm lẫn nếu không có kỹ thuật ghi nhớ tốt.

- Cấu trúc ngữ pháp: Dù có một số điểm tương đồng với tiếng Việt, cấu trúc câu tiếng Trung đôi khi có sự khác biệt nhất định so với tiếng Việt, đòi hỏi người dịch phải có trí nhớ làm việc tốt để tái cấu trúc thông tin.

- Từ vựng Hán-Việt và từ Hán gốc: Lượng từ vựng khổng lồ, đặc biệt là các từ Hán-Việt hoặc từ Hán gốc có thể gây khó khăn trong việc ghi nhớ và phân biệt ngữ nghĩa tinh tế.

- Tốc độ nói và lượng thông tin: Người bản xứ thường nói với tốc độ nhanh, cộng với lượng thông tin lớn trong các bài phát biểu, khiến sinh viên dễ bị quá tải trí nhớ và bỏ sót chi tiết quan trọng nếu không có kỹ năng ghi chú và kỹ thuật ghi nhớ hiệu quả.

2.3. Tổng quan về các công cụ công nghệ và Trí tuệ nhân tạo (AI) được đề xuất

Kỷ nguyên số đã thay đổi căn bản cách học và dạy ngôn ngữ, với sự bùng nổ của các công cụ công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra cơ hội tối ưu hóa tiếp thu và củng cố kiến thức.

OneNote của Microsoft là ứng dụng ghi chú kỹ thuật số linh hoạt, mô phỏng sổ tay truyền thống với không gian tự do để viết, vẽ, chèn hình ảnh, âm thanh, video

và liên kết web. Nó tổ chức thông tin theo cấu trúc phân cấp (Sổ tay > Mục > Trang > Trang phụ), đồng bộ hóa đám mây, tích hợp ghi âm bài giảng và tìm kiếm mạnh mẽ, giúp sinh viên dịch nói ghi chú tốc ký, chèn sơ đồ tư duy, và ôn lại nội dung qua âm thanh liên kết.

Trong khi đó, Notion là không gian làm việc tất cả trong một, vượt xa ghi chú thông thường với các khối linh hoạt, cơ sở dữ liệu mạnh mẽ, template đa dạng và liên kết nội bộ, hỗ trợ sinh viên xây dựng thư viện kiến thức cá nhân, quản lý từ vựng, ngữ pháp, và tiến độ học tập một cách cá nhân hóa và khoa học.

AI (như Speech-to-Text, ChatGPT, Anki) hỗ trợ chuyển giọng nói thành văn bản, tóm tắt ý chính, gợi ý từ khóa và ôn tập thông minh, giúp giảm tải ghi nhớ thủ công và tăng phản xạ xử lý thông tin.

Sự kết hợp giữa OneNote, Notion và AI tạo nên mô hình hỗ trợ học tập toàn diện, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng ghi chú, củng cố trí nhớ ngắn hạn và cải thiện hiệu suất dịch nói trong đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc.

2.4. Lược khảo nghiên cứu liên quan và khoảng trống

Để đặt nghiên cứu này vào bối cảnh học thuật rộng lớn hơn và xác định điểm mới, cần tổng quan các công trình nghiên cứu đã được thực hiện liên quan đến ứng dụng công nghệ, AI trong giảng dạy ngôn ngữ, và các nghiên cứu chuyên sâu về ghi chú, trí nhớ trong dịch thuật.

Nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến kỹ năng ghi nhớ ngắn hạn, note-taking và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy phiên dịch, là cơ sở tham khảo quan trọng cho nghiên cứu này.

Bảng 1. Tóm tắt lược khảo trọng yếu

Tác giả (Năm)	Bối cảnh/Mẫu	Khung/Trọng tâm	Kết quả chính	Hàm ý/khoảng trống
Gile (1995)	Toàn cầu, đào tạo phiên dịch	Effort Models trong dịch nói	Quá tải nhận thức trí nhớ ngắn hạn; đề xuất phân đoạn thông tin	Giảm áp lực xử lý bằng rèn luyện phân đoạn
Dam (2004)	Toàn cầu, sinh viên dịch nói tiếp (500 mẫu ghi chú)	Phân tích ngôn ngữ ghi chú	Ghi chú theo đơn vị ý nghĩa giảm lỗi diễn đạt	Giảm đáng kể lỗi diễn đạt
Li (2022)	Toàn cầu, đào tạo phiên dịch (thực nghiệm)	Công cụ AI hỗ trợ (gợi ý ký hiệu, nhận diện giọng nói)	Tăng tốc độ và chính xác dịch	Tốc độ nhanh hơn 20%, chính xác cao hơn nhóm đối chứng
Liu, H. (2005)	Trung Quốc, đào tạo phiên dịch	Rèn luyện trí nhớ ngắn hạn và ghi nhớ ý nghĩa	Tập trung giai đoạn đầu đào tạo	Cải thiện khả năng xử lý thông tin
Lin, C. (2012)	Trung Quốc, 120 sinh viên phiên dịch (khảo sát)	Hệ thống ký hiệu cá nhân hóa trong ghi chú	Giảm lỗi mất ý trong bài dịch	Giảm gần 1/3 lỗi mất ý
Nguyễn, T. M. (2019)	Việt Nam, dạy học biên-phiên dịch	Ứng dụng công nghệ số (OneNote, Google Docs)	Quản lý từ vựng, cấu trúc bài dịch, hợp tác nhóm	Cải thiện quản lý và hợp tác
Phạm, H. A., & Trần, T. T. T. (2023)	Việt Nam, dạy học biên-phiên dịch	Tích hợp công cụ số và kỹ năng số	Hướng dẫn giảng viên/sinh viên sử dụng công cụ	Tăng hiệu quả luyện tập dịch

Nhìn chung, các nghiên cứu đều thống nhất rằng ghi nhớ ngắn hạn và ghi chú là hai kỹ năng cốt lõi của dịch nói, và công nghệ số/AI có thể hỗ trợ đáng kể trong việc nâng cao hai kỹ năng này. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những nghiên cứu tập trung vào việc tích hợp cụ thể các công cụ như OneNote, Notion và AI trong học phần dịch nói dành cho sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam, đây chính là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới bổ sung.

2.5. Câu hỏi nghiên cứu

1) Thực trạng kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn của sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc trong đào tạo dịch nói tại Trường Đại học Mở Hà Nội hiện nay như thế nào trước khi có sự hỗ trợ của các công cụ công nghệ và AI?

2) Việc tích hợp OneNote, Notion và các công cụ AI hỗ trợ ghi chú (chuyển giọng nói thành văn bản, tóm tắt nội dung) có tác động như thế nào đến chất lượng và hiệu quả của kỹ năng ghi chú của sinh viên trong học phần Phiên dịch 1 và Phiên dịch 2?

3) Mô hình tích hợp OneNote, Notion và AI hiệu quả trong việc nâng cao kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn cho sinh viên Ngôn ngữ Trung Quốc trong đào tạo dịch nói là gì và cần những điều kiện triển khai như thế nào?

2.6. Biến nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Để kiểm chứng các giả thuyết trên, nghiên cứu tiến hành thiết kế mô hình bán

thực nghiệm (quasi-experimental) gồm hai nhóm:

Nhóm thử nghiệm (n=30): học theo phương pháp tích hợp OneNote, Notion và AI.

Nhóm đối chứng (n=30): học theo phương pháp truyền thống (ghi chú sổ tay, không sử dụng công cụ số).

Hai nhóm học cùng nội dung, cùng giảng viên và trong cùng thời lượng 6-8 buổi học. Dữ liệu được thu thập từ các bài kiểm tra trước - sau can thiệp (pre-test và post-test), gồm:

(1) Bài ghi chú trên cùng một đoạn nghe 3-5 phút,

(2) Bài tái hiện thông tin (recall test) để đo khả năng ghi nhớ ngắn hạn

(3) Bản ghi âm bài dịch nói để chấm điểm hiệu suất dịch. Ngoài ra, phiếu khảo sát cảm nhận sinh viên về mức độ hữu ích, tính thuận tiện và hiệu quả của công cụ được thu thập sau học kỳ, cũng theo thang Likert 5 điểm.

Các dữ liệu định lượng được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả (descriptive statistics) để tính điểm trung bình và độ lệch chuẩn, cùng với các phép kiểm định t-test độc lập nhằm so sánh giữa nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng, sau đó thực hiện hồi quy tuyến tính để đảm bảo giả định mô hình được thỏa mãn.

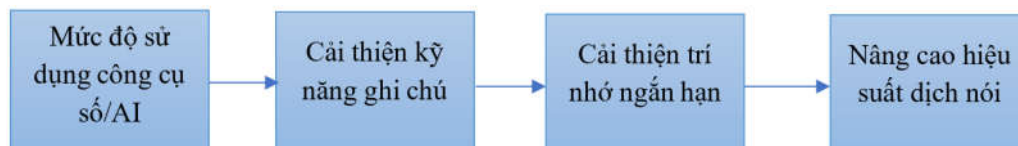
Dưới đây là các biến nghiên cứu, mô hình giả định và phương pháp thu thập dữ liệu định lượng phù hợp với đặc thù của bối cảnh giảng dạy.

Bảng 2. Biến và thang đo nghiên cứu

Nhóm biến	Biến thành phần	Cách đo lường / Thang đo	Mục tiêu đo
Biến độc lập	Mức độ sử dụng công cụ số/AI	Tần suất, phạm vi sử dụng OneNote, Notion, AI (Likert 1-5)	Xác định mức độ can thiệp
Biến phụ thuộc 1	Hiệu quả ghi chú	Số lượng ý chính, độ logic, tính rõ ràng (Rubric 1-5)	Đánh giá kỹ năng note-taking

Nhóm biến	Biến thành phần	Cách đo lường / Thang đo	Mục tiêu đo
Biến phụ thuộc 2	Hiệu quả ghi nhớ ngắn hạn	Tỷ lệ tái hiện thông tin đúng trong bài recall test (%)	Đánh giá khả năng ghi nhớ tạm thời
Biến phụ thuộc 3	Hiệu suất dịch nói	Độ chính xác, trôi chảy, tự nhiên (Rubric 1-5, 2 giảng viên chấm độc lập)	Đánh giá chất lượng bài dịch
Biến kiểm soát	Trình độ đầu vào, thời lượng luyện tập, số năm học	HSK4-5, số giờ học, năm học	Giảm sai lệch mẫu

Mô hình giả thuyết nghiên cứu



H1: Ứng dụng OneNote, Notion và AI có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn.

H2: Kỹ năng ghi chú cải thiện góp phần gián tiếp nâng cao hiệu suất dịch nói.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế và xử lý dữ liệu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng bán thực nghiệm (quasi-experimental) gồm hai nhóm sinh viên có trình độ tương đương trong các học phần Phiên dịch 1 và Phiên dịch 2 tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Nhóm thử nghiệm (30 sinh viên) được hướng dẫn sử dụng OneNote, Notion và các công cụ AI (speech-to-text, ChatGPT) để hỗ trợ ghi chú và ghi nhớ; nhóm đối chứng (30 sinh viên) học theo phương pháp truyền thống, ghi chú bằng tay và không dùng công nghệ hỗ trợ. Cả hai nhóm được giảng dạy bởi cùng giảng viên, cùng nội dung và thời lượng trong 6-8 buổi học.

Dữ liệu thu thập gồm bài ghi chú, bài kiểm tra trí nhớ ngắn hạn (recall test), bài dịch nói (ghi âm và bản chép) và phiếu khảo sát cảm nhận theo thang Likert 5 mức. Các kết quả được xử lý bằng thống kê mô tả, kiểm định t-test để so sánh giữa hai nhóm, phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính nhằm xác định tác động của việc sử dụng công cụ số/AI đến

kỹ năng ghi chú, trí nhớ và hiệu suất dịch nói. Ngoài ra, quan sát lớp học và nhật ký phản tư của giảng viên được sử dụng như nguồn dữ liệu định tính bổ trợ, giúp làm rõ những thay đổi trong thái độ và phản xạ học tập của sinh viên..

3.2. Mô hình ứng dụng công cụ số và AI trong luyện dịch nói

Dựa trên cơ sở lý thuyết về trí nhớ ngắn hạn, kỹ năng ghi chú và học tập tăng cường công nghệ, nghiên cứu đề xuất mô hình ba giai đoạn:

- Chuẩn bị: Sinh viên dùng *Notion* để tổ chức tài liệu, xây dựng kho từ khóa, ký hiệu, và sơ đồ ý. AI hỗ trợ tóm tắt, trích xuất và gợi ý cấu trúc ghi chú.

- Luyện tập: Trong lớp, sinh viên dùng OneNote để ghi chú tốc ký bằng ký hiệu hoặc sơ đồ. Speech-to-Text hỗ trợ chuyển giọng nói thành văn bản giúp giảm tải ghi nhớ.

- Phản tư: Sau buổi học, sinh viên đối chiếu bản ghi chú với bản dịch, AI hỗ trợ tạo flashcards, tóm tắt và phản hồi để củng cố trí nhớ dài hạn.

Mô hình này tạo chu trình khép kín “Ghi nhớ - Ghi chú - Phản tư”, trong đó OneNote hỗ trợ trí nhớ ngắn hạn, Notion lưu trữ và tổ chức kiến thức dài hạn, còn AI đóng vai trò cầu nối giúp phản hồi và tối ưu hóa quá trình học

3.3. Đo lường biến và phát triển công cụ

Các biến được đo bằng thang Likert và rubrics 5 mức. Biến độc lập là mức độ sử dụng công cụ số/AI, đo qua phiếu khảo sát 10 mục. Biến phụ thuộc gồm hiệu quả ghi chú, trí nhớ ngắn hạn, và hiệu suất dịch nói, được đánh giá bằng bài ghi chú, bài recall và bài dịch nói chấm điểm theo ba tiêu chí: chính xác, trôi chảy, tự nhiên. Các công cụ được xây dựng dựa trên khung năng lực của Gile (1995) và Lin, C. (2012).

3.4. Kiểm soát sai lệch và chẩn đoán

Hai nhóm có trình độ tương đương (HSK4-5), cùng giảng viên, cùng nội dung học để tránh sai lệch. Rubrics và phiếu khảo sát được kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha (≥ 0.8). Dữ liệu được kiểm tra phân phối chuẩn và phương sai trước khi chạy t-test và hồi quy. Hai giảng viên độc lập chấm bài để giảm sai lệch chủ quan, tăng tính khách quan và độ tin cậy của kết quả.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng hiện tại

Qua phân tích hai học phần Phiên dịch 1 (Trung-Việt) và Phiên dịch 2 (Việt-Trung) cùng quan sát lớp học và phản tư giảng dạy, kết quả cho thấy sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc còn gặp nhiều hạn chế trong kỹ năng ghi nhớ ngắn hạn và ghi chú.

Ở giai đoạn đầu, bài kiểm tra recall test cho thấy chỉ 42% sinh viên có thể ghi nhớ và tái hiện chính xác thông tin sau 2-3

câu nghe. Trung bình mỗi sinh viên chỉ giữ được 58% lượng thông tin chính của bài nói, dẫn đến việc bỏ sót ý hoặc đảo lộn trật tự nội dung. Kết quả này phù hợp với mô hình Effort Model của Gile (1995), theo đó quá tải trong trí nhớ làm việc là nguyên nhân chính gây suy giảm hiệu suất dịch.

Trong khi đó, 80% bản ghi chú của sinh viên mang tính rời rạc, ghi chép nguyên văn, ít sử dụng ký hiệu tốc ký hoặc sơ đồ logic. Chỉ 15% sinh viên có hệ thống ký hiệu riêng, và gần 90% cho biết họ gặp khó khăn khi tra cứu lại ghi chú trong quá trình dịch. Điều này trùng khớp với nhận định của Rozan (1956) và Lin, C. (2012) rằng ghi chú thiếu tổ chức có thể gây nhiễu cho quá trình chuyển ngữ.

Ngoài ra, khảo sát nhanh cho thấy 73% sinh viên thường làm việc độc lập, không chia sẻ ghi chú hoặc dữ liệu từ vựng với bạn cùng nhóm. Việc thiếu cộng tác này khiến quá trình phản hồi đồng đẳng và ghi nhớ tập thể bị hạn chế, trái với tinh thần học tập tăng cường hợp tác mà Chapelle (2001) đã khuyến nghị.

4.2. Tác động của ứng dụng công cụ số/AI trong nâng cao kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn

Sau 6-8 buổi học thử nghiệm với mô hình tích hợp OneNote, Notion và AI, các chỉ số định lượng cho thấy sự cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ thông tin ghi nhớ chính xác trong recall test tăng từ 58% lên 81% ($p < 0.01$). Điểm hiệu quả ghi chú (theo rubrics 5 mức) tăng trung bình từ 2.8 lên 4.3, đặc biệt ở tiêu chí tính logic và sử dụng ký hiệu. Hiệu suất dịch nói cũng tăng đáng kể: độ chính xác tăng từ 3.2 lên 4.4, độ trôi chảy từ 3.0 lên 4.2, và tính tự nhiên từ 3.1 lên 4.3.

Cụ thể, OneNote giúp sinh viên tổ chức thông tin tốt hơn, giảm thời gian

tra cứu trung bình 30%, trong khi Notion tăng gấp đôi số lượng sinh viên tham gia ghi chú cộng tác (từ 27% lên 61%). Việc dùng AI (speech-to-text, auto-summarize) giúp rút ngắn thời gian ghi chú thủ công khoảng 40%, đồng thời giảm 25% số lỗi bỏ sót thông tin trong bài dịch.

Quan sát lớp học và phản hồi sinh viên cũng cho thấy sự thay đổi tích cực: 87% sinh viên cho rằng công cụ số/AI giúp họ tập trung vào nội dung hơn là thao tác ghi chép, 82% cảm thấy tự tin hơn khi dịch nói, và 90% đánh giá mô hình mới “dễ áp dụng và hữu ích trong luyện dịch thực tế”.

Nhìn chung, sự kết hợp giữa các công cụ số hiện đại như OneNote, Notion và AI đã tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên từng bước hình thành kỹ năng ghi chú khoa học, quản lý thông tin hiệu quả hơn và cải thiện rõ rệt năng lực ghi nhớ ngắn hạn - những nền tảng vô cùng quan trọng và cần thiết trong dịch nói.

4.3. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu trước. Li (2022) đã chứng minh việc ứng dụng phần mềm AI gợi ý ký hiệu giúp sinh viên tăng 20% tốc độ và độ chính xác dịch; cũng cho thấy các nền tảng số hỗ trợ đáng kể việc ghi chú và tổ chức thông tin. Tuy nhiên, mô hình tích hợp tại Trường Đại học Mở Hà Nội có điểm mới là triển khai linh hoạt, phù hợp điều kiện hạn chế về hạ tầng và thói quen học tập của sinh viên Việt Nam, tập trung vào “tích hợp nhẹ” (chỉ vài công cụ quen thuộc, không đòi hỏi kỹ thuật cao).

Nghiên cứu đã đóng góp ở hai phương diện: (1) khẳng định tính khả thi của việc tích hợp công cụ số/AI ở mức cơ bản vào đào tạo dịch nói, và (2) bổ sung

một hướng đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số của giáo dục đại học Việt Nam.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế thực tiễn. Thứ nhất, thiết bị học tập không đồng bộ và kỹ năng công nghệ của sinh viên còn chênh lệch, trong khi một số công cụ như OneNote yêu cầu tài khoản Microsoft trả phí, gây trở ngại trong triển khai rộng rãi. Thứ hai, việc phụ thuộc vào công nghệ có thể tạo ra tâm lý ỷ lại, khiến sinh viên giảm khả năng tự ghi nhớ và phản xạ tự nhiên khi không có công cụ hỗ trợ, ảnh hưởng đến độ chất lượng của kiểm tra, đánh giá năng lực thực chất..

Do đó, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng quy mô đối tượng, kết hợp thêm phân tích định lượng dài hạn, đồng thời xây dựng cơ chế cân bằng giữa hỗ trợ công nghệ và năng lực tự chủ học tập, nhằm đảm bảo hiệu quả bền vững trong đào tạo dịch nói thời đại số.

IV. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ vai trò trọng yếu của kỹ năng ghi chú và trí nhớ ngắn hạn trong hoạt động dịch nói, đồng thời phân tích tính khả thi của việc ứng dụng công cụ số (OneNote, Notion) và trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hai kỹ năng này cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong các học phần Phiên dịch 1 và Phiên dịch 2 tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Kết quả cho thấy việc sử dụng các công cụ số/AI giúp sinh viên tăng 23% khả năng ghi nhớ chính xác, nâng điểm hiệu quả ghi chú từ 2.8 lên 4.3 và cải thiện đáng kể hiệu suất dịch nói về độ chính xác, trôi chảy

và tự nhiên. Các công cụ như OneNote, Notion và AI đã góp phần giảm tải ghi nhớ, tăng tốc xử lý ý nghĩa, củng cố phản xạ ngôn ngữ và hình thành thói quen ghi chú khoa học. Kết quả này khẳng định tính hiệu quả của việc tích hợp công nghệ vào đào tạo dịch nói, phù hợp với định hướng chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam.

5.2. Kiến nghị

Từ những phân tích và kết quả nghiên cứu trên, bài báo đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập dịch nói trong bối cảnh chuyển đổi số. Giảng viên cần được bồi dưỡng về phương pháp ứng dụng công nghệ số và AI trong giảng dạy dịch thuật, bao gồm thiết kế bài tập và đánh giá trên sản phẩm số. Sinh viên cần chủ động xây dựng hệ thống ghi chú cá nhân, rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ số như OneNote, Notion (hoặc các ứng dụng tương tự) và AI như một phần năng lực nghề nghiệp. Cơ sở đào tạo cần hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật (thiết bị, tài khoản, kho dữ liệu chung) để việc triển khai công nghệ được đồng bộ và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Baddeley, A. D. (2000). *The episodic buffer: A new component of working memory? Trends in Cognitive Sciences*, 4(11), 417-423. [https://doi.org/10.1016/S1364-6613\(00\)01538-2](https://doi.org/10.1016/S1364-6613(00)01538-2)
- [2]. Baddeley, A. D., & Hitch, G. J. (1974). *Working memory*. In G. H. Bower (Ed.), *Psychology of learning and motivation* (Vol. 8, pp. 47-89). Academic Press. [https://doi.org/10.1016/S0079-7421\(08\)60452-1](https://doi.org/10.1016/S0079-7421(08)60452-1)
- [3]. Chapelle, C. A. (2001). *Computer applications in second language acquisition: Foundations for teaching, testing and research*. Cambridge University Press.
- [4]. Dam, H. V. (2004). *Interpreters' notes: On the choice of language. Interpreting*, 6(1), 3-17. <https://doi.org/10.1075/intp.6.1.02dam>
- [5]. Gile, D. (1995). *Basic concepts and models for interpreter and translator training*. John Benjamins.
- [6]. Li, S. (2022). *Exploring AI-based support tools in interpreter training. Babel*, 68(4), 543-560. <https://doi.org/10.1075/babel.68.4.06li>
- [7]. 林超伦 [Lin, C.]. (2012). *实战交传 [Practical consecutive interpreting]*. 北京: 中国对外翻译出版公司 [China Translation and Publishing Corporation].
- [8]. 刘和平 [Liu, H.]. (2005). *口译理论与教学 [Interpretation theory and pedagogy]*. 北京: 中国对外翻译出版公司 [China Translation and Publishing Corporation].
- [9]. Nguyễn, T. M. (2019). *Ứng dụng công nghệ số trong dạy học biên - phiên dịch. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ*, 35(2), 1-12.
- [10]. Phạm, H. A., & Trần, T. T. T. (2023). *Những thay đổi trong ngành dịch thuật ở thời đại số. Tạp chí Khoa học*, 70(3), 25-34.
- [11]. Rozan, J.-F. (1956). *La prise de notes en interprétation consécutive*. Genève: École d'interprètes de Genève.
- [12]. Trường Đại học Mở Hà Nội. (2022). *Đề cương chi tiết học phần Phiên dịch 1, chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc* [Tài liệu nội bộ].
- [13]. Trường Đại học Mở Hà Nội. (2022). *Đề cương chi tiết học phần Phiên dịch 2, chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc* [Tài liệu nội bộ].
- [14]. 余光中 [Yu, G.]. (2004). *余光中谈翻译 [Yu Guangzhong on translation]*. 北京: 中国对外翻译出版公司 [China Translation and Publishing Corporation].

THE APPLICATION OF ONENOTE, NOTION, AND AI IN ENHANCING NOTE-TAKING SKILLS AND SHORT-TERM MEMORY FOR CHINESE LANGUAGE STUDENTS IN INTERPRETING TRAINING

Do Ha Linh¹

Abstract: *This report investigates the impact of integrating OneNote, Notion, and Artificial Intelligence (AI) to improve note-taking skills and short-term memory for Chinese language students in interpreting training at Hanoi Open University. Using a quasi-experimental design combined with classroom observation and teaching reflection, the report indicates that students initially face difficulties with information retention and exhibit disorganized, unsystematic note-taking habits. Experimental results demonstrate that the combination of OneNote, Notion, and AI (for transcription and summarization support) has helped students better organize information, take more scientific notes, foster collaboration, and reduce cognitive load, thereby enhancing their reaction speed and accuracy in interpreting. The study proposes an effective technology integration model and offers practical recommendations concerning the inclusion of digital tools/AI in curricula, faculty training, encouraging proactive student usage, and technical infrastructure support. This represents a practical solution to improve the quality of interpreting training in the digital age.*

Keywords: *Chinese interpreting; Digital notetaking; Short-term memory; OneNote; Notion; Artificial Intelligence (AI); Language education*

¹ Hanoi Open University